

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐỒNG NAI**
Bản án số: 21/2025/ HNGĐ-ST
Ngày: 03/09/2025
“ *V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phí Thị Hồng Năm
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Ba.
2. Bà Vũ Thị Thùy Dương.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Sỹ Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai
- *Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 5 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông Trần Văn sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã S, tỉnh Đồng Nai. (Địa chỉ cũ: tổ A, ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai). Chỗ ở: Ký túc xá Nitori, Nguyễn Đức T, phường P, thành phố Hồ Chí Minh.
- *Bị đơn:* Ông Vi Văn D, sinh năm 1993. Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã S, tỉnh Đồng Nai. (Địa chỉ cũ: tổ A, ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai).
- *Người làm chứng:* Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1962. Địa chỉ: tổ A, ấp C, xã S, tỉnh Đồng Nai. (Địa chỉ cũ: tổ A, ấp C, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai).
(Bà L, ông D , ông K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:*

Năm 2012 bà và ông D chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Có tổ chức lễ cưới, gia đình hai bên đồng ý. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ở chung với gia đình ông D. Năm 2016 thì ra ở riêng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D thường xuyên uống rượu về nhà đánh mắng ông. Gia đình hai bên có hòa giải cho vợ chồng. Ngày 16/8/2024 thì bà quyết định dọn ra ngoài ở, lý do ông D cầm dao đánh bà và đuổi bà ra khỏi nhà. Lúc đầu bà dọn ra nhà trọ A ở ngã tư

Sông R cùng các con, nhưng do ông D lại tiếp tục quấy phá không cho bà ở nên bà đưa các con về cho ông nội nuôi và dọn ra ký túc xá của Công ty ở. Vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương ông D nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Việc ông D nói ông trai bà và bạn ông bà có đánh ông D là đúng vì khi đó ông D vào nhà trọ của bà, bà đuổi ra mà ông D không ra nên hai bên có đánh nhau. Bà xác định ông D không làm tròn trách nhiệm của người chồng nên nay ông D muốn bà quay về tiếp tục chung sống với ông D thì bà không đồng ý. Về cấp dưỡng thì bà đồng ý với ý kiến của ông D. Việc các con bà đi học nội trú ở trường Đ thì bà có nói với ông N .

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là cháu Vi Quỳnh N1, sinh ngày 17/11/2011, cháu Vi Quỳnh C, sinh ngày 03/04/2014 và cháu Vi Hoàng A, sinh ngày 07/11/2016. Khi ly hôn bà giao 03 cháu cho ông D nuôi dưỡng và bà sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng /cháu. Do bà không có chỗ ở và cũng không muốn làm xáo trộn cuộc sống của các con nên bà mới giao con cho ông D nuôi.

Về tài sản chung: ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

- *Tại bản tự khai bị đơn là ông Vi Văn D trình bày:* ông thừa nhận thời điểm kết hôn là năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã S. Có tổ chức lễ cưới, gia đình hai bên đồng ý. Sau khi kết hôn thì vợ chồng ở chung với gia đình. Năm 2016 thì ra ở riêng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông thường xuyên uống rượu về nhà đánh mắng bà L. Lý do mà ông đánh mắng bà L là do áp lực công việc đi làm về nhà bà L không lo cơm nước mà chỉ bấm điện thoại nên ông bực tức có nói bà L và hai vợ chồng cãi vã và ông có đánh bà L. Ông có cầm dao dọa bà L chứ không chém. Dao ông cầm là dao rựa, thái chuối, chặt cây tầm 30-40cm. Thịnh thoảng khó ngủ hoặc khi có đồ ăn ngon thì ông uống một mình khi ăn cơm. Việc vợ chồng cãi vã đánh nhau thì thỉnh thoảng xảy ra, gia đình hai bên có biết và có hòa giải cho ông bà. Do vợ ông không đồng ý việc ông mua máy bơm nước nên hai vợ chồng cãi nhau và ông có tát bà L một cái nên sau đó bà L dọn đi một mình ở phòng trọ ông không biết ở đâu. Sau đó khoảng 2,3 tháng ông mới biết chỗ ở trọ ông và hai con nhỏ có đến mua đồ ăn nấu nướng nhưng bà L lại bỏ đi nên ông không hòa giải được. Khoảng vào tháng 12/2024 thì ông trai của bà L là Hoàng Văn T1 cùng với Vi Văn D1 đánh ông hai lần. Lý do có thể là do ông đánh bà L nên anh bà L đánh ông. Ông bị xước giác mạc, ông có báo công an nhưng bố ông không cho ông làm và nói ông bỏ qua. Từ đó ông và bà L ly thân cho đến nay. Nay bà L xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý. Lý do ông không đồng ý ly hôn là vì ông còn yêu thương bà L và các con ông còn nhỏ nên ông không muốn ly hôn. Theo ông thì bà L làm tròn trách nhiệm của người vợ nên ông không muốn ly hôn. Ông không ở nhà thường xuyên vì công việc ông phải đi làm, có khi 2,3 ngày ông mới về, ông làm ở T, ông đi chăm sóc vườn chuối. Địa chỉ của ông là ở xã S từ trước tới nay, do ông bị mất căn cước nên làm lại đến nay chưa có.

Về con chung: Trường hợp nếu giải quyết ly hôn thì ông đồng ý nuôi cả 3 cháu Vi Quỳnh N1, sinh ngày 17/11/2011, cháu Vi Quỳnh C, sinh ngày 03/04/2014 và cháu Vi Hoàng A, sinh ngày 07/11/2016. Về cấp dưỡng ông yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng/1 cháu.

Về tài sản chung: Tài sản chung tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

I. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Đồng Nai phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã S, nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015 (SĐ, BS 2025) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

- Về quan hệ pháp luật: TAND khu vực 5 - Đồng Nai xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” là đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 28 BLTTDS 2015 (SĐ, BS 2025).

- Về việc xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng: bà L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông D. Vì vậy, tư cách tham gia tố tụng của bà L là nguyên đơn và ông D là bị đơn trong vụ án là đúng quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 BLTTDS 2015 (SĐ, BS 2025).

- Về thu thập chứng cứ: Đúng quy định của pháp luật theo Điều 97 BLTTDS 2015 (SĐ, BS 2025).

- Về tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ: Thực hiện đúng quy định tại Điều 208 đến Điều 211 BLTTDS 2015 (SĐ, BS 2025).

- Về tổ chức phiên hòa hòa giải: đúng quy định pháp luật.

- Về tạm đình chỉ vụ án: Không có.

- Việc áp dụng (thay đổi, hủy bỏ) hoặc không áp dụng (thay đổi, hủy bỏ) biện pháp khẩn cấp tạm thời (*nếu có*): Không có

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 18/02/2025, Tòa án thụ lý vụ án. Ngày 17/6/2025, Tòa án ra QĐ gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử thêm 02 tháng. Ngày 08/8/2025, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng thời hạn theo Điều 203 BLTTDS (SĐ, BS 2025).

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 đúng quy định tại Điều 220 BLTTDS 2015 (SĐ, BS 2025).

- Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu: Đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS 2015 (SĐ, BS 2025).

- Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng: Đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn và bị đơn từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS 2015 (SĐ, BS 2025) và những quy định khác của pháp luật.

II. Về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy:

Ông D và bà L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã S, huyện C cấp giấy chứng nhận vào năm 2012. Sau một thời gian chung sống, đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc. Ông D đã nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình với bà L. Vì vậy từ năm 2024, bà L và ông D đã sống ly thân cho đến nay. Hiện tại bà L thấy vợ chồng đã không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn. Ông D mặc dù còn tình cảm, không đồng ý ly hôn nhưng việc ông D thường xuyên có các hành vi bạo lực gia đình với vợ đã vi phạm pháp luật hôn nhân gia đình. Bà L và gia đình đã khuyên nhủ, cho ông cơ hội sửa chữa nhiều lần nhưng ông vẫn không thay đổi tính tình. Vì vậy xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là hoàn toàn phù hợp.

Do đó căn cứ Điều 9 Luật HN&GD 2000; Điều 51, 56, 131 Luật HN&GD 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: cho bà L ly hôn ông D.

- Về con chung và cấp dưỡng: Bà L yêu cầu giao cả ba con chung là cháu V, C, A cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 700.000 đồng/cháu/tháng, tổng cộng là 2.100.000 đồng/tháng. Ông D đồng ý nuôi dưỡng trực tiếp cả ba cháu, đồng thời yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000đ/cháu/tháng, tổng cộng là 3.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy hiện nay bà L đang làm công nhân, không có nhà ở, thu nhập là 6.450.000 đồng/tháng, nếu phải cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000 đồng/tháng thì còn lại số tiền 3.450.000 đồng/tháng để phục vụ nhu cầu sinh hoạt. Số tiền này thấp hơn mức lương tối thiểu vùng nơi bà L đang cư trú và không đủ đáp ứng điều kiện sinh hoạt hàng tháng cho một người.

Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật HN&GD 2014, đề nghị Tòa án giao ông D nuôi dưỡng trực tiếp 03 con chung. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của bà L với mức 700.000 đồng/cháu/tháng, tổng cộng là 2.100.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Hoàng Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với

ông Vi Văn D. Ông D có nơi cư trú tại tổ A, ấp B, xã S, tỉnh Đồng Nai nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 25/8/2025 bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ngày 25/8/2025 Tòa án mở phiên tòa nhưng ông Vi Văn D vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Ngày 3/9/2025 ông D tiếp tục vắng mặt Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

3.1 Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012 bà Hoàng Thị L và ông Vi Văn D tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 166/2012 ngày 24/12/2012 nên xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo trình bày của bà L xác định sau quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung trong cuộc sống hằng ngày, thiếu sự quan tâm chia sẻ cho nhau. Ông D thường xuyên uống rượu và đánh mắng bà L. Việc này bản thân ông D cũng thừa nhận đã đánh mắng bà L và có cầm dao hăm dọa bà L. Đồng thời lời khai của ông K cha vợ của ông D cũng xác định: “*Mỗi khi ông D cầm dao đánh con gái ông thì không ai dám ra can ngăn vì sợ. Cha mẹ của ông D cũng không dám can ngăn...*”. Vợ chồng đã không còn tình cảm và sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng của bà L và ông D là có thật, vợ chồng không còn sống chung, mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị L là có cơ sở nên chấp nhận.

- Xét ý kiến của ông D: Ông D không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương bà L, con còn nhỏ. Tuy nhiên, bản thân ông cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, và ông có cầm dao hăm dọa đánh bà L, vợ chồng cũng không còn sống chung với nhau nên HĐXX nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn nên việc ông không đồng ý ly hôn là không có cơ sở nên không chấp nhận.

3.2 Về con chung: ông bà có ba người con chung là cháu Vi Quỳnh N1, sinh ngày 17/11/2011, cháu Vi Quỳnh C, sinh ngày 03/04/2014 và cháu Vi Hoàng A, sinh ngày 07/11/2016. Do hoàn cảnh bà L không có chỗ ở và không muốn làm xáo trộn ảnh hưởng đến các con, khi ly hôn bà L mong muốn giao 03 cháu cho ông D nuôi dưỡng và bà sẽ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi cháu là 1.000.000đ/tháng/cháu.

Xét yêu cầu trên nhận thấy: Hiện tại các cháu N1, cháu C và cháu A mong muốn được ở với ông D. Đồng thời, Tại biên bản hòa giải ngày 8/8/2025 bà L cũng có yêu cầu khi ly hôn bà đồng ý giao các con cho ông D nuôi dưỡng. Hàng tháng bà L sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu. Việc này ông D cũng đồng ý. Do đó, yêu cầu của bà L là có căn cứ nên chấp nhận.

3.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông D xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ. Buộc bà L phải nộp tiếp số tiền 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Theo biên lai thu tiền số 0012939 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Đồng Nai).

[5] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Nai phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 89, Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 110, Điều 118, Điều 131 Luật HNGĐ năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị L.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị L được ly hôn với ông Vi Văn D.
3. Về con chung: Giao cháu Vi Quỳnh N1, sinh ngày 17/11/2011, cháu Vi Quỳnh C, sinh ngày 03/04/2014 và cháu Vi Hoàng A, sinh ngày 07/11/2016 cho ông Vi Văn D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Hàng tháng bà L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ông D là 1.000.000đ/ tháng cho mỗi cháu. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Hoàng Thị L được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ, buộc bà L phải nộp tiếp số tiền 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Theo biên lai thu tiền số 0012939 ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Đồng Nai).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 5- Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 5- đồng Nai-
Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Sông Ray, tỉnh Đồng Nai
(số 166 ngày 24/ 12/ 2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phí Thị Hồng Năm